

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/DS-ST
Ngày: 16/9/2023
(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Văn Chiêu

2/. Ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2023/TLST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà TKH, sinh ngày 20/8/1980.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã PTT A, huyện PL, tỉnh BL.

2/. Bị đơn: Chị VTM, sinh ngày 01/01/1993.

Địa chỉ: Ấp BT, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/. Ông HVL, sinh ngày 17/01/1980.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã PTT A, huyện PL, tỉnh BL.

3.2/. Anh NVQ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp BT, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

(Bà H, ông L và chị M có mặt; Anh Q vắng mặt lần hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà TKH trình bày: Trước đây, do có nhu cầu vay vốn nên vợ chồng chị VTM và anh NVQ có hỏi vay của bà tổng số tiền là 52.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa thuận là một triệu ngày 4.000 đồng với các lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 02/02/2021 (âm lịch) chị M và anh Q hỏi vay của bà số tiền 32.000.000 đồng

Lần 2: Vào ngày 12/4/2022 (âm lịch) chị M và anh Q hỏi vay của bà số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng 02 lần vay tính đến nay vợ chồng chị M và anh Q còn nợ bà tổng số tiền là 52.000.000 đồng. Mặc dù, bà đã rất nhiều lần đến đề nhắc số tiền nợ trên đối với vợ chồng chị M và anh Q. Tuy nhiên, chị M và anh Q không có thiện chí để trả nợ nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị VTM và anh NVQ cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc còn thiếu là 52.000.000 đồng. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Bà H xác định: Khi thực hiện giao dịch vay tài sản trên thì giữa hai bên có làm biên nhận nợ với nhau và cả 02 lần vay tiền trên thì chị M là người trực tiếp ký tên vào biên nhận nợ với bà nhưng nay chị M không thừa nhận đó là chữ ký và chữ viết của chị M nên bà có yêu cầu trưng cầu giám định tư pháp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Do đây là tài sản chung của bà với ông HVL nên bà yêu cầu vợ chồng chị M và anh Q cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên cho vợ chồng bà.

Theo bị đơn chị VTM trình bày: Trước đây trong năm 2019, chị có hỏi vay của bà H số tiền 15.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất 12%/tháng và cũng không có nói thời gian cụ thể khi nào trả số tiền trên, mà chỉ nói khi nào cần thì sẽ thông báo trước để chuẩn bị trả nợ cho nhau và số tiền vay này chị đã trả cho bà H xong nên cho đến nay giữa chị và bà H không có giao dịch vay tiền nào khác. Nay chị xác định chị không có nợ bà H khoản tiền vay nào cả nên chị không đồng ý trả số tiền 52.000.000 đồng trên theo yêu cầu của bà H.

Chị M xác định: Chị không có vay tiền của bà H nên không có lần nào chị viết giấy nợ với bà H cả nên chữ ký và chữ viết trong 02 giấy nợ đề ngày 02/02/2021 và ngày 12/4/2022 không phải của chị nên chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HVL trình bày: Ông thống nhất ý kiến trình bày của vợ ông là bà TKH nên ông không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị VTM và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan anh NVQ chưa chấp hành đúng quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà TKH. Buộc chị VTM có nghĩa vụ trả cho bà TKH và ông HVL tổng số tiền 52.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí giám định: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà TKH có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị VTM. Chị VTM có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đối với sự vắng mặt của anh NVQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Q vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh NVQ.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà TKH đối với chị VTM có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay còn thiếu là 52.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, thì bà H cung cấp cho Tòa án 02 giấy nợ của chị M đề ngày 02/02/2021 (al) và ngày 12/4/2022 (al). Theo giấy nhận nợ đề ngày 02/02/2021 (al) có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Văn Quý và VTM có nợ bà TKH với số tiền là 32.000.000 đồng. Bằng chữ: Ba mươi hai triệu đồng chẵn”. Theo giấy nhận nợ đề ngày 12/4/2022 (al) có nội dung: “Nguyễn Văn Quý và VTM có mượn bà TKH với số tiền là 20.000.000 đồng. Bằng chữ: Hai triệu đồng chẵn”. Tại 02 giấy nợ đề ngày 02/02/2021 (al) và ngày 12/4/2022 (al), phần dưới cùng người nợ, người mượn tiền ký tên và ghi họ tên Nguyễn Văn Quý và VTM.

[3] Xét lời trình bày của chị VTM: Chị M xác định trước đây trong năm 2019, chị có hỏi vay của bà H số tiền 15.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất 12%/tháng và cũng không có nói thời gian cụ thể khi nào trả số tiền trên cho bà H, mà chỉ nói khi nào bà H cần thì sẽ thông báo trước để chị chuẩn bị trả nợ cho bà H và số tiền vay này chị đã trả cho bà H xong nên cho đến nay giữa chị và bà H không có giao dịch vay tiền nào khác. Nay chị xác định chị không có nợ bà H khoản tiền vay nào cả nên chị không đồng ý trả số tiền 52.000.000 đồng trên theo yêu cầu của bà H.

Chị M xác định: Chị không có vay tiền của bà H nên không có lần nào chị viết giấy nợ với bà H cả nên chữ ký và chữ viết trong 02 giấy nợ đề ngày 02/02/2021 và ngày

12/4/2022 không phải của chị nên chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi được xem 02 biên nhận nợ đề ngày 02/02/2021 (al) và ngày 12/4/2022 (al) do bà H cung cấp cho Tòa án, chị M không thừa nhận 02 biên nhận nợ nêu trên là của chị mà do bà H tự viết ra. Tại Kết luận giám định số: 100/KL-KTHS ngày 21/8/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh BL kết luận:

“1. Chữ ký “Mén”, “mén” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 có dạng chữ viết so với các chữ ký, chữ viết của VTM trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1, M2, M3 do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết “VTM” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ viết “VTM” trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1, M2, M3 do cùng một người viết ra”.

Như vậy, chữ viết và chữ ký trong 02 biên nhận nợ nêu trên là do chị M viết ra, nhưng chị M cho rằng không phải chữ viết và chữ ký của chị là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định chị M có viết 02 biên nhận nợ cho bà H với tổng số tiền 52.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế.

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử thấy rằng, theo bà H trình bày chị M vay số tiền này của bà là để dùng vào việc chi xài cá nhân nên chồng của chị M là anh NVQ không biết việc giao dịch vay tiền này giữa bà với chị M. Đồng thời, bà H xác định giao dịch vay tiền này chỉ có bà với chị M trực tiếp giao dịch với nhau. Chữ ký và chữ viết NVQ trong 02 biên nhận tiền là do chị M ký tên thay cho anh Q. Từ đó, không có cơ sở để xác định đây là nợ chung của chị M và anh Q nên việc bà H yêu cầu chị M và anh Q cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà TKH đối với chị VTM. Buộc chị M có nghĩa vụ trả cho bà H và ông L tổng số tiền vay còn thiếu là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà TKH không phải chịu, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo biên lai thu số 0012775 được hoàn lại cho bà TKH tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc chị VTM phải có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[7] Về chi phí giám định: Chi phí giám định với số tiền là 5.572.000 đồng chị M phải chịu. Bà H không phải chịu chi phí giám định, bà H đã dự nộp chi phí giám định số tiền 5.572.000 đồng đã được chuyển thu chi phí giám định. Buộc chị M nộp số tiền 5.572.000 đồng để hoàn trả cho bà TKH.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 143, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà TKH đối với chị VTM về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc chị VTM có nghĩa vụ trả cho bà TKH và ông Nguyễn Văn L tổng số tiền là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà TKH không phải chịu, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo biên lai thu số 0012775 được hoàn lại cho bà TKH tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc chị VTM phải có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

4/. Về chi phí giám định: Chi phí giám định với số tiền là 5.572.000 đồng chị M phải chịu. Bà H không phải chịu chi phí giám định, bà H đã dự nộp chi phí giám định số tiền 5.572.000 đồng đã được chuyển thu chi phí giám định. Buộc chị M nộp số tiền 5.572.000 đồng để hoàn trả cho bà TKH.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An